

III/ CƯỚC TÁC NGHIỆP CONTAINER

- 1/ **Cước xếp dỡ container:**
- 2/ **Cước đóng/rút container:**
- 3/ **Cước phục vụ container lạnh: (áp dụng cho container xuất nhập khẩu)**
- 4/ **Các tác nghiệp phục vụ chuyển container qua máy soi:**
- 5/ **Các loại cước khác:**

Bảng 26

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	20'DC	40'DC	45' DC	20'RF	40'RF
1	Chuyên bãi nội bộ	- Nâng container từ bãi lên xe trung chuyển - Trung chuyển - Hạ container từ xe trung chuyển xuống bãi				
	Đối với container hàng	225.000	330.000	415.000	345.000	500.000
	Đối với container rỗng	165.000	235.000	305.000	245.000	360.000
	Phục vụ kiểm hoá container hàng (không qua máy soi)	225.000	330.000	415.000	345.000	500.000
	Chuyên bãi rút ruột/kiểm hoá kết hợp qua cân.	330.000	480.000	585.000	450.000	650.000
	Khách hàng yêu cầu chuyển container từ khu tập kết/hạ container để lấy mẫu	225.000	330.000	415.000	345.000	500.000
2	Cước xếp chồng container Flatrack	240.000	430.000	-	-	-
3	Trái bãi container rỗng lạnh để phục vụ PTI:	-	-	-	135.000	220.000
4	Trái bãi phục vụ đóng hàng nhưng không đóng hàng theo lệnh đã đăng ký	320.000	475.000	610.000	485.000	710.000
5	Qua cân máy cân container bằng xe của khách hàng	105.000	150.000	170.000	105.000	150.000
		<i>chỉ tính cho 01 lượt cân xe và container (hàng hoặc rỗng); cân xe không tải và phí đảo chuyển phục vụ cân được tính riêng nếu có phát sinh.</i>				
6	Cân container bằng xe nâng của Cảng	105.000	150.000	170.000	105.000	150.000
		<i>(tính bất kể đối với cân container hàng hay container rỗng, chưa bao gồm phí đảo chuyển nếu có phát sinh)</i>				
7	Qua cân thông thường bằng xe của Cảng (tính cho 01 lượt cân), không kết hợp chuyên bãi rút ruột/kiểm hoá.	455.000	665.000	830.000	685.000	1.000.000
8	Cân xe (không chứa tải) của khách hàng tính cho mỗi lượt cân	65.000				

9	Trường hợp có phát sinh thời gian chờ đợi của phương tiện trung chuyển ở khu vực máy soi theo yêu cầu của Hải quan hoặc chủ hàng	<i>Sẽ có bảng giá qui định sau</i>									
10	Đào chuyển để lấy container hàng xuất theo yêu cầu của khách hàng, đào chuyển phục vụ cần container	<i>Tính theo số lượng container thực tế được đào chuyển, dời dịch trong bãi cảng để lấy container của khách hàng (có xác nhận của Trung tâm Điều độ Cảng)</i>									
<i>Đào chuyển không sử dụng xe đầu kéo của Cảng:</i>							90.000	130.000	170.000	120.000	200.000
<i>Đào chuyển có sử dụng xe đầu kéo của Cảng:</i>							<i>Theo đơn giá tại Bảng 26 – TT.1</i>				
11	Đối với container phải đổi tàu xuất, đổi cảng chuyển tải phát sinh không do lỗi của Cảng, container có yêu cầu chất xếp đặc biệt, Cảng thu:	<i>Tính theo số lượng container thực tế được đào chuyển, dời dịch trong bãi cảng để lấy container đăng ký (có xác nhận của Trung tâm Điều độ Cảng)</i> <i>Đơn giá theo quy định tại Bảng 26, TT.10</i>									
<i>Phí đăng ký đổi tàu xuất (chuyển rớt tàu, chuyển ngang tàu), đổi cảng chuyển tải</i>							225.000	330.000	415.000	345.000	500.000
12	Vệ sinh bãi sau khi rút ruột các loại hàng gây bẩn hoặc ô nhiễm môi trường bãi như sắt phế liệu, máy móc thiết bị cũ...	115.000	170.000	215.000	170.000	265.000					

*** Các quy định khác:**

- a. Đối với container hàng nguy hiểm (IMDG), hàng quá khổ/quá tải, cước chuyển bãi tính tăng 50% so với đơn giá vận chuyển container hàng thông thường
- b. Đối với container đăng ký đổi tàu xuất, đổi cảng chuyển tải:
 - **Giải thích từ ngữ:**
 - + *Tàu trước:* là tàu mà container đã đăng ký khi hạ bãi chờ xuất.
 - + *Tàu sau:* là tàu mà container được đăng ký chuyển từ “tàu trước” sang.
 - + *Chuyển rớt tàu:* container hàng xuất đăng ký chuyển từ “tàu trước” **đã kết thúc làm hàng**, sang “tàu sau”.
 - + *Chuyển ngang tàu:* container hàng xuất đăng ký chuyển từ “tàu trước” **chưa làm hàng**, sang “tàu sau”.
 - + *Đổi Cảng chuyển tải:* đổi tên Cảng chuyển tải cho container đã hạ bãi chờ xuất (hoặc Cảng đích đối với tàu đi thẳng).
 - + *Yêu cầu chất xếp đặc biệt:* yêu cầu thêm hoặc thay đổi yêu cầu chất xếp trên tàu sau khi container đã hạ bãi chờ xuất (yêu cầu xếp trên boong, dưới hầm, cùng một hầm, lớp trên cùng...)
 - **Quy trình phối hợp**

- + Các yêu cầu chuyển tàu, đổi cảng chuyển tải hoặc yêu cầu chất xếp đặc biệt sẽ được Trung tâm Điều độ Cảng quyết định dựa trên tình hình bến bãi và điều kiện sản xuất thực tế.
- + Số lượng container phải đảo chuyển để lấy container đăng ký được xác định trên cơ sở xác nhận hai bên: Trục ban sản xuất và bên yêu cầu.
- + Yêu cầu phải được gửi trước Closing Time của “tàu sau”, nếu gửi sau Closing Time phải được sự đồng ý của Hãng tàu là chủ khai thác tàu và Terminal chủ trì giải phóng tàu.
- **Quy định thu phí**
 - + Trường hợp đăng ký chuyển toàn bộ container hàng xuất từ cùng một tàu sang một tàu mới: miễn phí đăng ký đổi tàu xuất.
 - + Trường hợp toàn bộ container có cùng một cảng chuyển tải, đăng ký đổi sang cùng một cảng chuyển tải khác nhưng không đổi tàu xuất: Cảng miễn phí đổi cảng chuyển tải.
 - + Trường hợp đăng ký đổi cảng chuyển tải đồng thời đăng ký chuyển tàu, Cảng chỉ thu phí chuyển tàu, không thu phí đổi cảng chuyển tải.
 - + Cảng miễn phí cho Hãng tàu là chủ khai thác tàu **5%** số lượng container hàng thực xuất trên “tàu trước” khi thời gian Hãng tàu gửi yêu cầu chuyển tàu (tính cả ngày nghỉ, lễ) như sau:
 - Nếu thời gian kết thúc làm hàng của “tàu trước” từ 00h00 đến trước 07h00 thì thời gian gửi yêu cầu chuyển container sang “tàu sau” phải trước 11h cùng ngày.
 - Nếu thời gian kết thúc làm hàng của “tàu trước” từ 07h00 đến trước 14h00 thì thời gian gửi yêu cầu chuyển container sang “tàu sau” phải trước 17h cùng ngày.
 - Nếu thời gian kết thúc làm hàng của “tàu trước” từ 14h00 đến trước 24h00 thì thời gian gửi yêu cầu chuyển container sang “tàu sau” phải trước 11h00 ngày hôm sau.